

Phụ lục III

HỆ THỐNG BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. DANH MỤC BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCQT	Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động	Năm
2	F01-01/BCQT	Báo cáo chi tiết chi theo mục lục ngân sách	Năm
3	F01-02/BCQT	Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án	Năm
4	B02/BCQT	Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính,...	Năm
5	B03/BCQT	Thuyết minh báo cáo quyết toán	Năm

- Danh mục và mẫu biểu báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho cả đơn vị kế toán và đơn vị kế toán cấp trên tổng hợp số liệu quyết toán.

- Đối với “Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính” của đơn vị dự toán cấp I không lập theo biểu mẫu tại Thông tư này mà phải tổng hợp theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

II. MẪU BÁO CÁO**Mẫu số B01/BCQT**

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC
ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã chương:

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

Năm...

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	A. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP...								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (101=102+105)	101							
1.1	<i>Kinh phí được giao tự chủ (102=103+104)</i>	102							
	- Kinh phí đã nhận	103							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	104							
1.2	<i>Kinh phí không được giao tự chủ (105=106+107)</i>	105							
	- Kinh phí đã nhận	106							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	107							
2	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	108							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	- Kinh phí được giao tự chủ	109							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	110							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+ 113)	111							
	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	112							
	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	113							
4	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	114							
	- Kinh phí được giao tự chủ	115							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	116							
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	117							
	- Kinh phí được giao tự chủ	118							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	119							
6	Kinh phí giảm trong năm (120=121+125)	120							
6.1	Kinh phí được giao tự chủ (121= 122+123+124)	121							
	- Đã nộp NSNN	122							
	- Còn phải nộp NSNN (123=103+115-118-122-131)	123							
	- Dự toán bị huỷ (124=104+109-115-132)	124							
6.2	Kinh phí không được giao tự chủ (125=126+127+128)	125							
	- Đã nộp NSNN	126							
	- Còn phải nộp NSNN (127=106+116-119-126-134)	127							
	- Dự toán bị huỷ (128=107+110-116-135)	128							
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (129=130+133)	129							
7.1	Kinh phí được giao tự chủ (130=131+132)	130							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	- Kinh phí đã nhận	131							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	132							
7.2	<i>Kinh phí không được giao tự chủ (133=134+135)</i>	133							
	- Kinh phí đã nhận	134							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	135							
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (136=137+138)	136							
1.1	<i>Số dư kinh phí năm trước đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang</i>	137							
1.2	<i>Số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang</i>	138							
2	Dự toán được giao trong năm	139							
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (140=141+142)	140							
3.1	Số đã ghi thu, ghi chi	141							
3.2	Số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi	142							
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (143=136+140)	143							
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	144							
6	Kinh phí giảm trong năm	145							
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (146=143-144-145=147+148)	146							
7.1	<i>Số dư kinh phí đã được giao dự toán nhưng chưa đủ</i>	147							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	<i>điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau</i>								
7.2	<i>Số dư kinh phí đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau</i>	148							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (149=150+151)	149							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	150							
	- Số dự toán	151							
2	Dự toán được giao trong năm	152							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (153= 149+152)	153							
4	Tổng kinh phí từ nguồn vay đã nhận trong năm (154= 155+156)	154							
	- Số đã hạch toán tạm ứng NSNN	155							
	- Số đã hạch toán ghi chi NSNN	156							
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	157							
6	Kinh phí giảm trong năm (158=159+160+161)	158							
	- Đã nộp NSNN	159							
	- Còn phải nộp NSNN (160=150+154-157-159-163)	160							
	- Dự toán bị hủy (161= 151+152-154-164)	161							
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (162= 163+164)	162							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	163							
	- Số dự toán	164							
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	165							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	B. NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (166=167+168+169)	166							
	- Kinh phí được giao tự chủ	167							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	168							
	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	169							
2	Dự toán được giao trong năm (170=171+172)	170							
	- Kinh phí được giao tự chủ	171							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	172							
3	Số thu được trong năm (173=174+175+176)	173							
	- Kinh phí được giao tự chủ	174							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	175							
	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	176							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (177=178+179)	177							
	- Kinh phí được giao tự chủ	178							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	179							
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (180=181+182)	180							
	- Kinh phí được giao tự chủ	181							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	182							
6	Kinh phí giảm trong năm (183=184+187+190)	183							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
6.1	<i>Kinh phí được giao tự chủ (184=185+186)</i>	184							
	- Đã nộp NSNN	185							
	- Còn phải nộp NSNN	186							
6.2	<i>Kinh phí không được giao tự chủ (187=188+189)</i>	187							
	- Đã nộp NSNN	188							
	- Còn phải nộp NSNN	189							
6.3	<i>Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi (190=191+192)</i>	190							
	- Đã nộp NSNN	191							
	- Còn phải nộp NSNN	192							
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (193= 194+195+196)	193							
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ (194=178-181-184)</i>	194							
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ (195=179-182-187)</i>	195							
	- <i>Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi</i>	196							
	C. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (197=198+199)	197							
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	198							
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ</i>	199							
2	Dự toán được giao trong năm (200=201+202)	200							
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	201							

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI			LOẠI		
				TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...	TỔNG SỐ	KHOẢN ...	KHOẢN ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	- Kinh phí không được giao tự chủ	202							
3	Số thu được trong năm (203=204+205)	203							
	- Kinh phí được giao tự chủ	204							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	205							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (206=207+208)	206							
	- Kinh phí được giao tự chủ (207=198+204)	207							
	- Kinh phí không được giao tự chủ (208=199+205)	208							
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (209=210+211)	209							
	- Kinh phí được giao tự chủ	210							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	211							
6	Kinh phí giảm trong năm (212=213+214)	212							
	- Kinh phí được giao tự chủ	213							
	- Kinh phí không được giao tự chủ	214							
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (215=216+217)	215							
	- Kinh phí được giao tự chủ (216=207-210-213)	216							
	- Kinh phí không được giao tự chủ (217=208-211-214)	217							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Đối với trường hợp đơn vị thuộc NSNN cấp trên cấp kinh phí hoạt động nhưng nhận được kinh phí do ngân sách cấp dưới hỗ trợ thì số liệu quyết toán kinh phí phải lập riêng cho ngân sách từng cấp, không được tổng hợp số liệu này vào phần C “Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ”. Đối với kinh phí do ngân sách cấp dưới hỗ trợ lập thêm biểu riêng, trong đó chỉ gồm các chỉ tiêu thuộc mục I, phần A nêu trên và phải ghi rõ cấp ngân sách hỗ trợ kinh phí.
2. Trường hợp đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới được giao dự toán kinh phí ủy quyền của ngân sách cấp trên, lập thêm biểu riêng, trong đó chỉ gồm các chỉ tiêu thuộc mục I, phần A nêu trên và phải ghi rõ cấp ngân sách ủy quyền.
3. Đối với đơn vị có hoạt động dịch vụ sự nghiệp công:
 - Trường hợp được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, kinh phí thực hiện các chương trình, dự án bằng hình thức giao dự toán để thực hiện thì phải lập báo cáo quyết toán theo mẫu này.
 - Trường hợp thanh quyết toán theo hợp đồng đặt hàng đã ký với đơn vị đặt hàng thì không tổng hợp số liệu báo cáo quyết toán theo mẫu này, mà số liệu được tổng hợp vào doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Phụ biểu F01-01/BCQT

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC
ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã chương:

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO CHI TIẾT CHI THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH**

Năm...

Đơn vị: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	NGUỒN NSNN			NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ
						NSNN trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí được giao tự chủ						
				II. Kinh phí không được giao tự chủ						
				TỔNG CỘNG						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

III. THUYẾT MINH

- 1. Mục tiêu, nội dung theo tiến độ đã quy định:.....
- 2. Khối lượng đã thực hiện:
- 3. Thuyết minh khác.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

STT	Nội dung (Chi tiết theo mục lục NSNN)	Chỉ tiêu	Số kiến nghị của					Số đã xử lý trong năm nay					Số còn phải xử lý					Ghi chú
			Tổng số	Thanh tra	Kiểm toán	Cơ quan tài chính	Cơ quan cấp trên	Tổng số	Thanh tra	Kiểm toán	Cơ quan tài chính	Cơ quan cấp trên	Tổng số	Thanh tra	Kiểm toán	Cơ quan tài chính	Cơ quan cấp trên	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=2-7	13=3-8	14=4-9	15=5-10	D
	Chi tiết:...																	
	...																	
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán	15																
	a. Nộp trả NSNN:	16																
	Trong đó: - Chi đầu tư	17																
	- Chi thường xuyên	18																
	b. Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát	19																
	Trong đó: - Chi đầu tư	20																
	- Chi thường xuyên	21																
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau	22																
	Trong đó: - Chi đầu tư	23																
	- Chi thường xuyên	24																
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số B03/BCQT

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC
ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã chương:
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....
Mã ĐVQHNS:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):..... Người

- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: Người

1.2. Tăng trong năm: Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):..... Người

- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: Người

1.3. Giảm trong năm Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):..... Người

- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: Người

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

.....

Trong đó:

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung:

b. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia:

.....

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công:

.....

.....

3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

.....

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán huỷ bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...):

.....

.....

2. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

a) Kinh phí được giao tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:.....

+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK (nếu có):

b) Kinh phí không được giao tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:.....

+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:

Nguồn CK (nếu có):

2.2. Dự toán giao năm nay:

a) Kinh phí được giao tự chủ:

- DT giao đầu năm:.....Trong đó nguồn CK (nếu có)

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:.....Trong đó nguồn CK (nếu có)

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không được giao tự chủ:

- DT giao đầu năm:Trong đó nguồn CK (nếu có)

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:.....Trong đó nguồn CK (nếu có)

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí được giao tự chủ:.....Trong đó nguồn CK (nếu có).....

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:.....

+ Nhận kinh phí NSNN cấp vào tài khoản tiền gửi:.....

- Kinh phí không được giao tự chủ:.....Trong đó nguồn CK (nếu có).....

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:.....

+ Nhận kinh phí NSNN cấp vào tài khoản tiền gửi:.....

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:

2.4. Kinh phí giảm trong năm:.....

- Nguồn NSNN giảm:.....Lý do giảm:.....

Trong đó nguồn CK giảm (nếu có) :.....Lý do giảm:.....

2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

a) Kinh phí được giao tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:.....

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:.....

+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK (nếu có):.....

b) Kinh phí không được giao tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:

Nguồn CK (nếu có):

3. Nguồn viện trợ từ nhà tài trợ nước ngoài

3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:

- DT được giao bổ sung trong năm:

- Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:

3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:.....

- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:.....

- Nhận viện trợ khác:.....

4. Nguồn vay nợ nước ngoài mà đơn vị được sử dụng

4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:.....
- + Điều chỉnh tăng:.....
- + Điều chỉnh giảm:.....

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

.....

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

1. Tình hình thu phí, lệ phí:

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú
I	Phí				
1	Phí....				
2	Phí...				
3	...				
II	Lệ phí (nộp NSNN 100%)			x	
	...			x	

Trong đó:

- Số phí được khấu trừ, để lại cho hoạt động được giao tự chủ:
- Số phí được khấu trừ, để lại cho hoạt động không được giao tự chủ:

2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại

2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí được giao tự chủ:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:.....

2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí được giao tự chủ:

- DT giao đầu năm:.....
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:.....
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không được giao tự chủ:.....

- DT giao đầu năm:.....
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:.....

- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

- Kinh phí được giao tự chủ:
- + Sử dụng phục vụ thu phí:
- + Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
- + Sử dụng phục vụ thu phí:
- + Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Kinh phí được giao tự chủ:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

III. Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ

1. Tên nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ:

Kinh phí hoạt động nghiệp vụ được để lại theo.....

số.....ngày.....của

2. Số thu trong năm:

Trong đó:

- Số nộp NSNN:
- Số nộp cấp trên:
- Kinh phí giảm trong năm:
- Số được để lại đơn vị:

3. Dự toán được giao năm nay:

- a) Kinh phí được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm:
 - DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh giảm:
- b) Kinh phí không được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm:
 - DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh giảm:

IV. Thuyết minh khác

1. Tổng chi tiền lương:

1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):.....
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:.....

1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:.....

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):.....
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:.....

1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:.....

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):.....
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:.....

1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):.....
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:.....

1.5. Chi từ nguồn khác:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):.....
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:.....

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang					
II	Trích lập					
III	Sử dụng					
1	Sử dụng cho cải cách tiền lương					
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ (nếu có)					
IV	Số dư chuyển năm sau					

3. Chi NSNN bằng ngoại tệ (nếu có):

Trong đó thuyết minh các nội dung chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ như: Chi hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, chi đoàn ra, chi đóng niêm liễm, chi đào tạo ở nước ngoài, chi mua sắm thiết bị nhập khẩu, chi các vụ kiện:

.....

4. Thuyết minh khác:

.....

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đơn vị thuyết minh báo cáo quyết toán đối với từng nguồn kinh phí thực tế phát sinh tại đơn vị (trường hợp không có phát sinh thì không phải thuyết minh báo cáo)